guǐ guài

鬼怪

noun · ghosts and monsters

Example Sentences

Zhè gè gù shì lǐ yǒu guǐ guài
这个故事里有鬼怪。

There are ghosts and monsters in this story.

Hái zi men hài pà guǐ guài
孩子们害怕鬼怪。

Children are afraid of ghosts and monsters.

Mín jiān chuán shuō zhōng yǒu hěn duō guǐ guài de gù shì
民间传说中有很多鬼怪的故事。

There are many stories about ghosts and monsters in folklore.

Trace each character, then write the word on your own.

鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼 鬼

鬼

怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪